

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST
Ngày: 12-8-2022
V/V “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương.

Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H. Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Phước Đ. Địa chỉ: đường L, phường 2, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N.

Bà Trần Huệ Anh D.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Ngọc Q. Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-02-2022 của bà Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Phước Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do ông Huỳnh Văn N, bà Trần Thị Huệ D là chỗ quen biết với nhau nên bà Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H có cho ông N, bà D vay tiền nhiều lần, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 06 tháng trả, cụ thể như sau.

Đợt 1: Ngày 25/02/2021 (AL), bà D và ông N có vay của bà H số tiền 460.000.000 đồng,

Đợt 2: Ngày 16/3/2021 (AL), bà D và ông N có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng,

Đợt 3: Ngày 16/3/2021 (AL), bà D và ông N có vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà D và ông N vay của bà H là 620.000.000 đồng. Khi đến thời hạn trả nợ bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà D, ông N chưa trả tiền cho bà H như đã thỏa thuận. Nay bà H yêu cầu bà D và ông N liên đới trả cho bà H số tiền vốn vay là 620.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả 01 lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thị Huệ D là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của ông Nguyễn Phước Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà xác định bà, ông N không có vay tiền của bà H như ông Đ trình bày. Bà và ông N xác định chữ ký và chữ viết trong giấy nợ do bà H cung cấp cho Tòa án là do bà và ông N ký tên. Riêng phần chữ viết tên “*Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H (CT-LA), 6 tháng hoàn trả... 6 tháng hoàn trả*” không phải do bà, ông N viết ra. Số tiền 620.000.000 đồng là số tiền lãi bà và ông N vay bà Q từ số tiền vốn vay gốc là 550.000.000 đồng (số tiền 550.000.000 đồng bà, ông N vay từ bà Q và đã trả cho bà Q xong). Nên trước yêu cầu của bà H thì bà và ông N không đồng ý.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2022, ông Huỳnh Văn N là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà D, ông thống nhất, ông không trình bày gì thêm.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2022, bà Huỳnh Thị Ngọc Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Số tiền vốn vay 620.000.000 đồng mà ông Đ trình bày là của con của bà tên Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H, do bà giới thiệu cho bà D, ông N vay tiền từ bà H nên trước yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà D, ông N thì bà không có ý kiến gì. Riêng phần chữ viết tên “*Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H (CT-LA), 6 tháng hoàn trả... 6 tháng hoàn trả*” là do bà H viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà H yêu cầu bà D, ông N liên đới trả cho bà H 620.000.000 đồng nợ vốn vay. Bà D, ông N cho rằng không quen biết gì bà H, nhưng bà D, ông N thừa nhận có ký tên trong giấy vay tiền, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà D, ông N.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H khởi kiện ông Huỳnh Văn N, bà Trần Huệ Anh D về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà Q có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H yêu cầu ông N, bà D phải liên đới trả cho bà H là 620.000.000 đồng tiền vốn vay, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy qua quá trình hòa giải, đối chất và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà H vẫn yêu cầu bà D, ông N phải liên đới trả cho bà H 620.000.000 đồng vốn vay, bà D, ông N không đồng ý.

Bà D, ông N cho rằng đây là số tiền lãi phải trả (620.000.000 đồng) của bà Q với số tiền vốn vay gốc là 550.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bà D, ông N tại BL 44, 45, 46 “...Hôm nay ngày 10-1-2021 DL có nhận cọc 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu, còn lại 350.000.000 ... là người mua đất của anh Huỳnh Văn N sẽ chồng tiền đủ...” nhưng bà Q không thừa nhận và cho rằng đây là số tiền vốn vay của bà H, do bà Q giới thiệu cho bà D, ông N vay tiền của bà H. Ngoài ra các tài liệu, chứng cứ do bà D, ông N cung cấp cho Tòa án thì không trùng khớp về mặt thời gian của các khoản vay mà bà D, ông N ký nhận nợ với bà H. Bà D, ông N cho rằng không có vay tiền của bà H nhưng thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là do mình ký tên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà D, ông N phải liên đới trả cho bà H số tiền vốn vay là 620.000.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà D, ông N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 288, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Huỳnh Văn N, bà Trần Huệ Anh D.

Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Trần Huệ Anh D phải liên đới trả cho bà Nguyễn Huỳnh Thị Ngọc H số tiền vốn vay là 620.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu

đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà H được nhận lại 12.400.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007739 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà D, ông N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 28.800.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí